TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2018/HS-ST
Ngày 10-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Hạ

Bà Nguyễn Thị Lương

-***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên Thành phố Hải Phòng.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà*:** Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 84/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91 ngày 26 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Vũ Thị C, sinh ngày 01 tháng 1 năm 1969 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Ph và bà Đào Thị t; chưa có chồng con; tiền án: Bản án số 56 ngày 31/10/1988 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân", thời hạn tù tính từ ngày 11/10/1988; Bản án số 23 ngày 25/7/1989 của Tòa án nhân dân huyện Thủy nguyên xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân", thời hạn tù tính từ ngày 05/06/1989; Bản án số 319 ngày 19/11/1990 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân", thời hạn tù tính từ ngày 04/09/1990; Bản án hình sự phúc thẩm số 520 ngày 25/04/1994 của Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 04 năm tù, quản chế 02 năm về tội "Trộm cắp tài sản công dân", thời hạn tù tính từ ngày 17/09/1993; Bản án hình sự số 100 ngày 08/04/1998 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 05 năm tù, quản chế 03 năm về tội "Trộm cắp tài sản công dân", thời hạn tù tính từ ngày 22/10/1997; Bản án hình sự số 05 ngày

17/05/2002 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hà tỉnh Quảng Ninh xử phạt 06 năm tù, quản chế 05 năm về tội "Trộm cắp tài sản", tài sản trị giá 1.567.000 đồng, thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2002; Bản án hình sự số 11 ngày 03/03/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 06 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", tài sản trị giá 3.000.000 đồng, thời hạn tù tính từ ngày 26/11/2010, đến ngày 16/11/2016 chấp hành xong hình phạt tù (các tiền án của bị cáo đều chưa được xóa án tích); tiền sự**:** Không; bị tạm giữ từ ngày 29/5/2018 đến ngày 04/6/2018 chuyển tạm giam. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Đào Thị M, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị hại:*Ông Nguyễn Văn Th sinh năm 1968 và bà Vũ Thị X sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn S, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 29/5/2018 Vũ Thị C đi xe đạp một mình từ nhà ở xã T đến xã Q, huyện T mục đích thấy ai có sơ hở sẽ trộm cắp tài sản. Khi C đi qua nhà ông Nguyễn Văn Th ở thôn S, xã Q, huyện T thấy cổng mở không có ai ở nhà nên C nảy sinh ý định vào để trộm cắp tài sản. C đi xe đạp vào sân, dựng xe ở sân nhà ông Th.. Quan sát thấy cửa nhà chỉ khép hờ không khóa, C đi vào bếp lấy 01 con dao dựa bằng kim loại màu đen dài 42cm, bản rộng 06cm có 01 lưỡi sắc, đầu tù rồi đi lên nhà trên. Thấy ngăn kéo tủ tivi không khóa C lục soát và lấy được số tiền 250.000 đồng gồm 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng và 03 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng. C tiếp tục vào phòng ngủ dùng dao cạy cánh cửa tủ bên trái bằng gỗ, khi mở được cánh cửa tủ C lục soát thấy 01 bọc tiền đựng trong túi nilon gồm nhiều loại tiền mệnh giá 500.000 đồng, C không đếm mà lấy toàn bộ số tiền cất giấu vào túi quần rồi vứt dao xuống đất đi ra ngoài. Khi C đi ra đến cửa thì bị ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1968 là hàng xóm của gia đình ông Thuyết nghi ngờ bắt giữ và cùng anh Nguyễn Văn Tuyền, sinh năm 1993 là con trai ông Th đưa C đến Công an xã Quảng Thanh để giải quyết. Công an xã Quảng Thanh đã kết hợp với Trạm Cảnh sát nhân dân Quảng Thanh lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, thu giữ thu trong túi quần của C số tiền 95.250.000 đồng; thu ở nhà ông Th 01 con dao dựa màu đen dài 42cm; 01 xe đạp mini màu xám. Đồng thời tiến hành bàn giao Vũ Thị C cùng vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thủy Nguyên để giải quyết.

Tại bản cáo trạng số 100/CT-VKS ngày 13 tháng 9 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng đã truy tố Vũ Thị C về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Ông Nguyễn Văn Th, bà Vũ Thị X đã nhận lại đầy đủ số tiền 95.250.000 đồng, việc Vũ Thị C cạy phá làm hỏng cánh tủ đựng quần áo, gia đình ông Thuyết, bà Xinh không yêu cầu bồi thường.

Đối với 01 con dao bằng kim loại màu đen dài 42cm, bản rộng 06cm, có 01 lưỡi sắc, đầu tù, qua điều tra xác định của gia đình ông Nguyễn Văn Th, bà Vũ Thị X nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Thuyết, bà Xinh.

Đối với chiếc xe đạp Vũ Thị C sử dụng đi để trộm cắp, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là ông Vũ Văn Ph, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng (là anh trai của C). Việc C mượn xe ông Ph để đi trộm cắp tài sản ông Ph không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe cho ông Phê sử dụng.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà: Giữ nguyên quan điểm truy tố và điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Thị C từ 06 đến 07 tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền, xét thấy bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản, thu nhập nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo.

Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên đề nghị hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Bà Đào Thị M không tranh luận về tội danh và điều luật mà đại diện Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Bà M đề nghị hội đồng xét xử xem xét bị cáo là người không biết chữ, trình độ hiểu biết có hạn, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, là hộ cận nghèo. Bị cáo không có nghề nghiệp, không có trình độ, sức khỏe yếu nên không có nguồn thu nhập ổn định để sinh sống. Sau khi bị cáo phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi ngay trả cho người bị hại. Người bị hại có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và xử bị cáo mức án thấp hơn mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa.

- Ý kiến của bị cáo Vũ Thị C: Thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố là đúng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố đối với bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Vũ Thị C khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ được cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Do không có tiền ăn tiêu nên Vũ Thị C đã nảy sinh ý định đi trộm cắp. Cụ thể bị cáo đã dùng thủ đoạn lén lút vào nhà ông Nguyễn Văn Th và bà Vũ Thị X cạy tủ trộm cắp tổng số tiền là 95.250.000 đồng và bị bắt quả tang. Do đó hành vi phạm tội này của bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[2.1] Về tình tiết định khung hình phạt: Trước khi thực hiện lần phạm tội này nhân thân bị cáo Vũ Thị C đã có 07 tiền án chưa được xóa án tích đều về tội "Trộm cắp tài sản", tài sản bị cáo trộm cắp là 95.250.000 đồng. Như vậy hành vi phạm tội của bị cáo đã vi phạm hai tình tiết định khung là "Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng" và "Tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không vi phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và tại phiên tòa trợ giúp viên pháp lý xuất trình đơn đề nghị của

người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét cho bị cáo khi lượng hình. Chấp nhận quan điểm bào chữa của bà Trợ giúp viên pháp lý cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như đã nêu ở trên.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân nên cần xét xử nghiêm. Mặt khác bị cáo liên tục phạm tội "Trộm cắp tài sản" từ năm 1988 cho đến nay chứng tỏ bị cáo không có ý thức cải tạo tu dưỡng để trở thành người công dân lương thiện do vậy phải áp dụng mức hình phạt cao trong khung hình phạt đối với bị cáo, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét số tiền bị cáo trộm cắp ở khoảng giữa của khung hình phạt và đã được thu hồi trả cho người bị hại, người bị hại không có yêu cầu bồi thường nào khác nên có thể xử bị cáo mức án thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, tạo điều kiện động viên bị cáo cải tạo tốt để sớm trở về hòa nhập với xã hội và cộng đồng.

Theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền, nhưng xét bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng, nên hội đồng xét xử không phạt tiền bị cáo là phù hợp.

[4] Về dân sự: Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai có trong hồ sơ thể hiện người bị hại đã nhận lại đầy đủ số tiền bị mất đồng thời không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thị C 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 29/5/2018.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Vũ Thị C thuộc diện cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra công an huyện Thuỷ Nguyên;
- Cơ quan THAHSCA huyện Thuỷ Nguyên;
- Trại giam công an thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam công an huyện Thuỷ Nguyên;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Hạ – Nguyễn Thị Lương **Khúc Trọng Quang**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thủy Nguyên, ngày 10 tháng 10 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 10 tháng 10 năm 2018;

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Hạ

Bà Nguyễn Thị Lương

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 84/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Vũ Thị C, sinh ngày 01 tháng 1 năm 1969 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Trại, xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc thuộc trường hợp phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp là hợp pháp.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về căn cứ kết tội bị cáo: Tuyên bố bị cáo Vũ Thị C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Kết quả biểu quyết 3/3.

Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Kết quả biểu quyết 3/3.

4.Về mức hình phạt:

- Vũ Thị C 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 29/5/2018.

Kết quả biểu quyết 3/3.

5. Bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

Kết quả biểu quyết 3/3

6. Về án phí, xử lý vật chứng:

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Vũ Thị C thuộc diện cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

7. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

8. Kiến nghị, phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm: Không

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3.

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Công Hạ – Nguyễn Thị Lương	**Khúc Trọng Quang**